

2. Hoạt động tài chính ở Cửu Long trong những năm đầu thực hiện công cuộc đổi mới (1986 - 1991)

Trong những năm đầu của thời kỳ đổi mới, cũng là những năm cuối chưa chia tách tỉnh (1986 - 1991), cơ cấu tổ chức Sở Tài chính Cửu Long chưa có nhiều thay đổi mà chỉ tập trung vào củng cố bộ máy, xây dựng đội ngũ cán bộ nhằm đáp ứng kịp thời những yêu cầu mới của công cuộc cách mạng.

Cơ quan Sở Tài chính tỉnh đóng tại số 4 đường Hưng Đạo Vương Phường 1, Thị xã Vĩnh Long

Ban giám đốc Sở Tài chính Cửu Long lúc này có: Giám đốc là ông Trịnh Hải Vân, các Phó Giám đốc là ông Lê Minh Trí, ông Đoàn Hải Vân, ông Trần Văn Y (từ 1989), ông Nguyễn Văn Rỡ (Tám Mỹ), ông Mai Hữu Kính.

Sở có 6 phòng ban chức năng là: Phòng Tổ chức-hành chính tổng hợp, Phòng Quản lý ngân sách, Phòng Vật giá (từ 1988, trên cơ sở hợp nhất Ủy ban vật giá và Sở Tài chính theo Quyết định số 67/QĐ-UBT ngày 19/3/1988 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cửu Long), Phòng Thu quốc doanh và quản lý tài chính xí nghiệp, Phòng Quản lý cấp phát, Thanh tra tài chính.



*Đ/c Dương Chí Hòa
(Bảy Viễn): Chủ tịch UBND
tỉnh Cửu Long từ 1984 - 1985
và 1989 - 1992*

Các đơn vị trực thuộc Sở lúc này là: Chi cục thuế công thương nghiệp, Ban thuế nông nghiệp, Công ty xổ số kiến thiết, Trường trung cấp tài chính, Ban quản lý quỹ xổ số kiến thiết, Ban kiến thiết xây dựng công trình trụ sở Sở Tài chính.

Nhìn chung đội ngũ cán bộ tài chính toàn tỉnh Cửu Long rất mỏng và có nhiều người chưa đáp ứng được yêu cầu chuyên môn nghiệp vụ của mình trong thời kỳ đổi mới. Sở tài chính vật giá trong quá trình xây dựng bồi dưỡng đội ngũ cán bộ cho Sở và cho các đơn vị trực thuộc và các huyện, đã từng bước tiêu chuẩn hoá cán bộ và hoàn thiện thêm về cơ cấu tổ chức bộ máy hoạt động, tạo điều kiện cho cán bộ trong Sở và các đơn vị, địa phương trong ngành được đi bồi dưỡng nâng cao trình độ văn hoá và nghiệp vụ, chuyên môn, để đáp ứng nhiệm vụ công tác trong tình hình mới.

Bước vào thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, tỉnh Cửu Long đã có những đột phá trên một số lĩnh vực kinh tế - xã hội.

Ngay từ đầu năm 1987, Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh đã tập trung chỉ đạo các ngành sản xuất kinh doanh, các đơn vị kinh tế cơ sở, các huyện, thị xã thực hiện Nghị quyết 8 của Trung ương và các Nghị quyết 28 của Bộ chính trị, Nghị quyết 31 của Hội đồng bộ trưởng; đồng thời đã xác định nhiệm vụ cụ thể trong các Nghị quyết của Tỉnh ủy, đề ra các biện pháp giành thế chủ động vươn lên làm chủ thị trường và giá cả. Mặt khác, Tỉnh đã đề ra nghị quyết về phát triển công nghiệp địa phương sản xuất hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu, nhằm tìm mọi biện pháp huy động khối lượng vật tư, hàng hoá vào trong tay nhà nước làm nghĩa vụ Trung ương và phục vụ sản xuất - tiêu dùng cũng như phục vụ đời sống nhân dân địa phương.

Tình hình kinh tế - xã hội của địa phương trong giai đoạn này có bước phát triển mới, đã đóng góp cho ngân sách địa phương đáng kể. Tình hình thu - chi trong thời kỳ này nhìn chung phát triển ổn định và tích cực hơn so với những năm trước. Tổng thu ngân sách Nhà nước cả năm là 1.045.300.000đ, đạt 164,09% kế hoạch của Trung ương giao; trong đó, thu ngân sách địa phương cả năm là 826.495.000 đồng¹. Tính đến tháng 11/1986, Tỉnh đã hoàn thành số nợ tồn đọng từ trước đến nay của các cơ sở kinh tế quốc doanh, các hộ kinh doanh công thương nghiệp, từ thuế nông nghiệp.

Về chi, trên cơ sở khả năng ngân sách hiện có, Tỉnh đã tích cực sắp xếp, bố trí lại các nhu cầu chi hợp lý trên tinh thần tiết kiệm và mang lại hiệu quả kinh tế, hiệu quả công việc cao. Tuy nhiên tác động của công tác quản lý thị trường chưa đạt, giá cả thị trường tăng đột biến làm cho các nhiệm vụ chi tăng lên nhanh hơn so với khả năng của nguồn thu. Tổng chi ngân sách địa phương năm 1986 là 903.000.000 đồng². Trong quản lý ngân sách, do một số lĩnh vực ngân sách chưa đáp ứng được yêu cầu, nhưng vì khả năng có hạn nên chỉ bố trí được mức tối thiểu mà thôi. Cân đối ngân sách ta thấy: Tổng thu ngân sách Nhà nước: 826.495.000 đồng, tổng chi ngân sách địa phương: 886.494.000 đồng; bội chi: 60.000.000 đồng, chủ yếu là chi cho phát triển kinh tế và chương trình mục tiêu xây dựng cơ sở hạ tầng³.

Cho đến trước khi tái lập tỉnh, tình hình thu chi ngân sách của tỉnh đã từng bước được điều chỉnh hợp lý và có hiệu quả hơn. Bảng số liệu thu - chi ngân sách giai đoạn 1986 - 1990 cho thấy được điều đó⁴ :

1. Báo cáo tháng 12. 1986 của UBND tỉnh Cửu Long

2, 3. Báo cáo tháng 12. 1986 của UBND tỉnh Cửu Long

4. Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ thu - chi ngân sách nhà nước 1976-1995 của Sở tài chính vật giá, Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long

(Đơn vị tính: triệu đồng)

Thu - Chi các loại	1986	1987	1988	1989	1990
A. Tổng thu ngân sách Nhà nước	1.500	6.657	25.588	50.220	61.391
1. Thu từ xí nghiệp quốc doanh	768	2.656	14.621	12.930	15.870
2. Thu thuế công thương nghiệp	161	600	2.694	6.104	11.759
3. Thu thuế nông nghiệp	192	547	3.605	9.606	9.592
4. Thu đơn vị sự nghiệp và thu khác	227	782	1.410	5.013	5.664
5. Thu kết dư	29	122	333	1.607	853
6. Thu trợ cấp	120	200	760	6.255	6.015
7. Thu từ xổ số kiến thiết			2.165	8.699	11.638
8. Thu chênh lệch giá cao	3	1.750			
B. Tổng chi ngân sách địa phương	1.087	5.367	19.981	42.923	53.912
1. Chi đầu tư xây dựng cơ bản	383	1.946	5.384	6.848	7.761
2. Chi cấp vốn lưu động	66	254	1.798	2.932	795
3. Chi bù lỗ, trợ giá	96	1.220	4.350	4.412	2.065
4. Chi hành chính sự nghiệp	489	1.643	7.984	20.635	31.225
a. Chi sự nghiệp kinh tế	128	333	1.032	435	1.668
b. Chi sự nghiệp văn xã	246	882	3.833	10.404	16.857
c. Chi quản lý hành chính	115	428	3.119	109.769	12.700
5. Chi khác của ngân sách	54	266	277	1.790	856
6. Chi an ninh quốc phòng		38	188	664	1.297
7. Chi ngân sách xã				5.642	9.913

Bên cạnh thành tựu đã đạt được, ngành tài chính tỉnh Cửa Long sau những năm đổi mới cũng còn những mặt hạn chế như việc thực hiện cơ chế mới theo định hướng hạch toán kinh tế kinh doanh xã hội chủ nghĩa cùng với các chính sách không kịp thời và đồng bộ, nên gây khó khăn trong công tác quản lý. Đặc biệt là giá cả đang biến động dẫn đến các định mức kinh tế - tài chính luôn bị phá vỡ ảnh hưởng đến thu- chi ngân sách và quản lý kinh tế - tài chính.

Giai đoạn này thu từ các doanh nghiệp Nhà nước chiếm tỷ trọng cao so với tổng số thu ngân sách nhà nước, năm cao nhất chiếm 57,14% so với tổng thu năm 1988 và năm thấp nhất cũng chiếm 25,85% so với tổng thu năm 1990. Nhưng tỷ trọng nguồn thu này trong những năm từ 1990 trở đi chỉ đạt khoảng 20% trong tổng thu ngân sách nhà nước. Điều này cho thấy những khó khăn của

nguồn thu từ các xí nghiệp quốc doanh trong điều kiện cơ chế thị trường cạnh tranh giữa các thành phần kinh tế, làm cho thành phần kinh tế quốc doanh khó giữ được vai trò chủ đạo trong các thành phần kinh tế. Trong khi đó, kinh tế cá thể phát triển rõ rệt. Năm 1991 tỷ trọng từ nguồn thu này được nâng lên chiếm 17% (Giai đoạn 1986 - 1990 thu từ doanh nghiệp ngoài quốc doanh chỉ chiếm tỷ trọng khoảng 9% trong tổng thu ngân sách nhà nước).

Như vậy, tuy trong giai đoạn này ngân sách có tăng nhưng các nguồn thu có tỷ trọng lớn chưa vững chắc vẫn còn tình trạng thất thu, chi xây dựng cơ bản còn thấp so với nhu cầu. Bên cạnh đó, trong thời kỳ này ngành tài chính thực chất là một công cụ như đòn bẩy hữu hiệu nhất, nhằm điều chỉnh các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của toàn Tỉnh.

Mặt khác, giai đoạn từ 1986 trở đi, nguồn thu chính của ngân sách vẫn dựa vào kinh tế quốc doanh và thuế, nhưng mức đóng thuế đã giảm nghiêm trọng, có năm chỉ đạt 16,69% (năm 1987) tổng thu ngân sách. Trong kinh tế quốc doanh tuy có nhiều cố gắng, nhưng lợi thế cạnh tranh với các thành phần kinh tế khác không còn như trước, nên có nhiều cơ sở công nghiệp Nhà nước làm ăn thua lỗ, ngành thương nghiệp cũng hoạt động sút kém nghiêm trọng. Ở nhiều huyện không thể cân đối được ngân sách, ngân sách tỉnh phải trợ cấp.

Sự đổi mới cơ chế quản lý vĩ mô từ kế hoạch hóa tập trung quan liêu sang cơ chế thị trường, xem thị trường là “cơ sở xuất phát, hướng dẫn cho việc xây dựng kế hoạch hóa”, trong đó trọng tâm là chính sách tài chính, tiền tệ nhằm điều chỉnh các mục tiêu phát triển, đang bắt buộc chúng ta phải đổi mới đồng bộ, có hệ thống không chỉ cơ chế quản lý kinh tế mà là cơ chế tổ chức bộ máy nhà nước, thích nghi với tiến trình đẩy mạnh nền kinh tế hàng hóa.

3. Tái lập tỉnh và hoạt động thu-chi ngân sách ở Vĩnh Long trong những năm 1992 - 2000.

Tiếp tục thực hiện công cuộc đổi mới của Đảng, nền hành chính quốc gia cũng được cải cách, Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam chủ trương chia tách một số tỉnh lớn cho phù hợp với quy mô chung. Ngày 26/12/1991 tại kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa VIII đã quyết định chia tách tỉnh Cửu Long thành hai tỉnh Vĩnh Long và Trà Vinh. Từ đây tỉnh Vĩnh Long mới đi vào ổn định phát triển. Toàn tỉnh được chia thành 7 đơn vị hành chính, gồm 1 thị xã (Vĩnh Long), 6 huyện (Long Hồ, Bình Minh, Trà Ôn, Tam Bình,